

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 17-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng
2. Ông Đoàn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Minh KH - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2019/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Thị Lệ T, sinh năm 1992 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T, nơi cư trú ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 01/12; dân tộc Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo phật giáo; con ông Võ Văn B, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Tiền án không; Tiền sự không; ngày 19 tháng 2 năm 2019 bị cáo bị tạm giam đến ngày 25 tháng 5 năm 2019 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Lê Hạnh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã N, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Hạnh T là bà Lâm H Nga, đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1968(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Chị Võ Thị H, sinh năm 1988(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1998(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Chị Hồ Thị Lệ T, sinh năm 1968(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Anh Trần Văn K, sinh năm 1986(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Sơn C sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Anh Ngô Thanh L, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện D, tỉnh T.

- Anh Quách Thái T, sinh năm 1985(có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1983(có đơn xin xét xử vắng mặt)
. Địa chỉ: k, p, thị xã D, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 08/2/2019, bị cáo T đi bộ từ nhà bị cáo đến nhà ông Lê Văn H, ở ấp M, xã N, huyện D, lợi dụng lúc ông H ngủ say và cửa nhà không khóa, bị cáo lén lút vào nhà lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 Prime màu trắng để trên bàn. Lấy điện thoại của ông H xong bị cáo đi bộ đến nhà của chị Võ Thị H ngụ cùng ấp, bị cáo thấy cửa sau nhà chị H không đóng và trong lúc chị H ngủ say, bị cáo thấy có 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 màu hồng đang sạc pin để trên tủ lạnh nên bị cáo lấy bỏ vào túi áo rồi bỏ đi. Bị cáo tiếp tục đi ngang nhà anh Nguyễn Tấn T ngụ cùng ấp, bị cáo thấy cửa nhà không đóng nên đã lén lút đi vào nhà nhìn thấy anh T đang ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 màu vàng, bị cáo lấy trộm điện thoại nhanh chóng bỏ đi. Bị cáo tiếp tục đi ngang nhà chị Hồ Thị Lệ T ngụ cùng ấp, bị cáo quan sát thấy nhà không có ai nên đã lén vào nhà lấy điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen để cạnh giường chị T đang nằm ngủ và bị cáo tìm kiếm xung quanh thì phát hiện trên tủ nhựa đựng quần áo của bà T có số tiền 500.000 đồng bị cáo lấy bỏ vào túi áo rồi nhanh chóng rời khỏi nhà bà T. Khi đi ngang qua nhà anh Trần Văn K ngụ cùng ấp, thấy cửa nhà không đóng nên bị cáo lén vào nhà quan sát thấy trên tủ kính đựng quần áo có 01 ví đựng tiền của anh K bên trong có 350.000 đồng nên bị cáo lấy trộm rồi để ví trở lại chỗ cũ, sau đó bị cáo bỏ về nhà và đem 03 điện thoại di động trộm của ông H, bà H và anh T đến cửa hàng điện thoại di động của anh Quách Thái T để bán, do anh T không biết đây là điện thoại do trộm cắp mà có nên đã mua điện thoại SamSung Galaxy J7 Prime màu trắng (của ông H) với giá 800.000 đồng mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 màu hồng (của chị H) với giá 1.200.000 đồng và mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 vàng (của anh T) với giá 400.000 đồng. Riêng điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen (của bà T) bị cáo

đem đến tiệm điện thoại của anh Huỳnh Chí T ở xã N để bán. Anh T không biết điện thoại do bị cáo trộm mà có nên đã mua với giá là 300.000 đồng và bán lại cho người khác không biết tên nên không thu hồi được, số tiền bán điện thoại và trộm cắp mà có bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Do bị mất trộm tài sản nên ông H, chị H, anh T và chị T đến Công an trình báo. Qua điều tra bị cáo còn thừa nhận ngoài các lần trộm của ông H, chị H, anh T và chị T bị cáo còn trộm tài sản của các bị hại khác cụ thể như sau:

Vào khoảng 03 giờ sáng ngày 08/02/2019, bị cáo Võ Thị Lệ T từ nhà ở ấp M, xã N, huyện D đi đến chợ xã N, tại sạp bán trái cây của chị Lê Hạnh T, bị cáo thấy chị T và chồng là anh Nguyễn Trường Gi ngủ say, bị cáo quan sát thấy có cái tủ gỗ có ngăn kéo, bị cáo đến kéo ngăn tủ ra bên trong có cái ví da và bị cáo kéo dây kéo của cái ví ra lấy toàn bộ số tiền trong ví, sau đó bị cáo quan sát tiếp thấy trên đầu giường ngủ có 02 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng và hiệu Samsung J7 màu hồng bị cáo lấy bỏ vào túi áo rồi đi về nhà, kiểm tra số tiền lấy trong ví là 5.700.000đ. Bị cáo T đã dùng 5.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe honda mà bị cáo T đã cầm trước đó cho ông Ngô Thanh L là chủ cơ sở cầm đồ T tại ấp C, xã N, huyện D, do ông L không biết tiền chuộc xe là do bị cáo T trộm mà có nên ông L đã cho T chuộc lại xe, số tiền còn lại là 700.000 đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với điện thoại di động hiệu Samsung J7 bị cáo lấy sim ra ném bỏ rồi đem điện thoại đến cửa hàng của ông T k, p, thị xã D bán, do ông L không biết điện thoại do bị cáo trộm mà có nên ông đã mua với giá 1.800.000 đồng và ông L đã bán lại cho người khác. Số tiền bán điện thoại được bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, còn điện thoại hiệu OPPO F1S không bán được nên bị cáo đã ném bỏ.

Đến khoảng 03 giờ ngày 11/02/2019 bị cáo đi bộ từ nhà tới ấp M xã N đến nhà chị Trần Thị T cùng ấp để trộm tài sản. Thấy cửa nhà không đóng, bị cáo lén lút đi vào nhà thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71 màu vàng để trên bàn gỗ bị cáo đến lấy cất giấu vào trong người, tiếp tục nhìn xung quanh thấy có 01 túi da màu đen treo trên vách tường bị cáo đến lấy thì thấy bên trong túi có tiền nên bị cáo lấy toàn bộ số tiền trong túi rồi đi về nhà kiểm tra được 1.500.000 đồng. Sau đó bị cáo mang điện thoại trộm được đến cửa hàng của chị Nguyễn Thị Mỹ T tại k, thị xã D cầm, chị T không biết đây là điện thoại do bị cáo trộm mà có nên đã nhận cầm với giá 1.500.000 đồng, số tiền lấy trộm của chị T và T cầm điện thoại bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 9 giờ ngày 17/2/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 84B1-00086 đi từ nhà ấp M, xã N đến ấp , xã Đ huyện T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến tiệm tạp hóa của anh Nguyễn Văn T, bị cáo nhìn thấy trên tủ lạnh có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 không có người trông coi nên đã lén lút lấy trộm điện thoại cất giấu vào trong túi áo khoác rồi điều khiển xe về nhà. Anh T phát hiện mất điện thoại nên đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, qua điều tra bị cáo thừa nhận đã trộm điện thoại của anh T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu hồi điện thoại và giao trả tài sản lại cho anh T.

Đến ngày 19/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam để điều tra đến ngày 29/5/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay.

Tại bản biên bản định giá tài sản ngày 16/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Duyên Hải kết luận giá trị tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu hồng giá 1.700.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu hồng giá 2.500.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu hồng giá 1.700.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen giá 2.960.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 prime màu trắng giá 2.500.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu vàng giá 1.700.000 đồng
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71 Pro màu vàng giá 1.600.000 đồng.
- Tổng giá trị các điện thoại là 13.890.000 đồng.

Về vật chứng:

- Ông Quách Thái T và Chị Nguyễn Thị Mỹ T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di hiệu SamSung Galaxy J7 Prime màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A7 màu vàng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại cho ông H 01 điện thoại di hiệu SamSung Galaxy J7 Prime màu trắng và trả lại cho chị T 01 điện thoại di hiệu Oppo A7 màu vàng.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ 01 xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Fashion, màu đỏ, biển số 84B1-00086 xe cũ đã qua sử dụng, ngày 19/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chuyển giao xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-DH ngày 14/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh T đã truy tố bị cáo Võ Thị Lệ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Thị Lệ T trình bày: Vào khoảng 02 giờ ngày 08/2/2019, bị cáo T đi bộ từ nhà bị cáo ở ấp M, xã N, huyện D đến nhà ông Lê Văn H, ngụ cùng ấp lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 Prime màu trắng, trộm nhà chị H 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu hồng, trộm nhà anh T 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 màu vàng, trộm nhà chị T 01 điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen và 500.000 đồng, trộm nhà anh K 350.000 đồng, trộm tại sạp trái cây của chị T 01 điện thoại hiệu Oppo F1S màu hồng, 01 điện thoại Samsung J7 màu hồng và 5.700.000 đồng. Sau đó bị cáo lấy 03 điện thoại di động trộm của ông H, bà H và anh T đến cửa hàng điện thoại di động của anh Quách Thái T để bán, do anh T không biết đây là điện thoại do trộm cắp mà có nên đã mua điện thoại SamSung Galaxy J7 Prime màu

trắng (của ông H) với giá 800.000 đồng mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 màu hồng (của chị H) với giá 1.200.000 đồng và mua điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 vàng (của anh T) với giá 400.000 đồng. Riêng điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen (của bà T) bị cáo đem đến tiệm điện thoại của anh Huỳnh Chí T ở xã N để bán. Anh T không biết điện thoại do bị cáo trộm mà có nên đã mua với giá là 300.000 đồng và bán lại cho người khác không biết tên nên không thu hồi được. Tiền trộm được của chị T bị cáo T đã dùng 5.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe honda mà bị cáo T đã cầm trước đó cho ông Ngô Thanh , do ông L không biết tiền chuộc xe là do bị cáo T trộm mà có nên ông L đã cho T chuộc lại xe, số tiền còn lại là 700.000 đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với điện thoại di động hiệu SamSung J7 bị cáo lấy sim ra ném bỏ rồi đem điện thoại đến cửa hàng của ông Tăng Thành L, tại k, p thị xã D bán, do ông L không biết điện thoại do bị cáo trộm mà có nên ông đã mua với giá 1.8000.000 đồng và ông L đã bán lại cho người khác. Tiền bán điện thoại được bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 11/02/2019 bị cáo trộm nhà chị T 01 điện thoại hiệu Oppo A71 màu vàng và 1.500.000 đồng. Sau khi trộm được điện thoại bị cáo đi đến cửa hàng của chị Nguyễn Thị Mỹ T tại k, thị xã D cầm, chị T không biết đây là điện thoại do bị cáo trộm mà có nên đã nhận cầm với giá 1.500.000 đồng, số tiền lấy trộm của chị T và T cầm điện thoại bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Vào ngày 17/02/2019 bị cáo điều khiển xe biển số 84B1-00086 đến nhà anh Nguyễn Văn T trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, sau khi trộm được điện thoại bị cáo tháo sim trong điện thoại của anh T ra bỏ và gắn sim của bị cáo vào để sử dụng máy. Anh T bị mất điện thoại nên đã trình báo Công an.

Bị hại anh Lê Văn H trình bày: Vào ngày 08/02/2019 anh có mất 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu trắng do bị cáo T lấy trộm nay anh đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D gia trả lại thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime màu trắng còn nguyên vẹn nên anh H không có yêu cầu gì thêm và anh có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Bị hại anh Trần Văn K trình bày: vào ngày 08/02/2019 anh K phát hiện tiền để trong ví bị mất 350.000 đồng, quá trình Công an điều tra thì biết được do bị cáo Võ Thị Lệ T lấy trộm. Nay anh K đã được chồng bị cáo là anh Sơn C đã khắc phục đủ 350.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D anh K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh K không yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự.

Bị hại chị Võ Thị H trình bày: Vào ngày 08/02/2019 chị H bị mất 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 màu hồng do bị cáo Võ Thị Lệ T lấy trộm và đã bán không thu hồi được. Nay chị H đã được chồng bị cáo là anh Sơn C bồi thường 1.700.000 đồng (01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 màu hồng theo giá của Hội đồng định giá ngày 16/4/2019 là 1.700.000 đồng). Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Bị hại anh Nguyễn Tấn T trình bày: Vào ngày 08/02/2019 anh bị mất 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 màu vàng, do bị cáo T lấy trộm và đã bán không thu hồi được. Hội đồng định giá ngày 16/4/2019 giá trị điện thoại Sam Sung Galaxy J7 màu vàng là 1.700.000 đồng, anh T thống nhất theo giá của hội đồng định giá. Nay anh T đã được chồng bị cáo là anh Sơn C bồi thường 1.700.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Bị hại chị Hồ Thị Lệ T trình bày: Vào ngày 08/02/2019 chị T bị mất 01 điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen và 500.000 đồng tiền mặt, do bị cáo T lấy trộm và đã bán không thu hồi được. Hội đồng định giá ngày 16/4/2019 giá trị điện thoại di động hiệu Sharp A2 Lite màu đen là 2.190.000 đồng, chị T thống nhất theo giá của Hội đồng định giá. Chồng bị cáo là Sơn C bồi thường điện thoại trị giá 2.190.000 đồng và 500.000 đồng cho chị T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Lê Hạnh T là bà Lâm Thị N trình bày: Ngày 08/02/2019 chị T bị mất trộm 01 điện thoại Oppo F1S màu hồng và 01 điện thoại di động Sam sung J7 màu hồng (của chồng chị T) và 8.700.000 đồng tiền mặt. Hiện tại con bà là Lê Hạnh T chỉ nhận được 5.000.000 đồng. Ngoài ra con bà không có nhận 3.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử cung cấp biên bản ký nhận của con tôi có nhận 3.000.000 đồng nên bà N không có ý kiến gì đối với số tiền này. Tại phiên tòa hôm nay bà N thống nhất số tiền con bà bị mất trộm là 5.700.000 và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho con bà số tiền còn lại là 1.900.000 đồng và bà cũng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị hại chị Trần Thị T trình bày: Sáng ngày 11/02/2019 chị T phát hiện mất điện thoại hiệu Oppo A71 màu vàng và 1.500.000 đồng tiền mặt, do bị cáo Võ Thị Lệ T lấy trộm. Nay điện thoại hiệu Oppo A71 màu vàng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D giao trả lại còn nguyên vẹn và chồng của bị cáo là anh Sơn C đã khắc phục lại đủ 1.500.000 đồng nên chị T không có yêu cầu gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Bị hại anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào ngày 17/02/2019 anh T bị mất trộm 01 điện thoại Iphone 6, do bị cáo T lấy trộm, đến ngày 18/02/2019 thì bị cáo giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, ngày 21/02/2019 anh T được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T giao trả lại nên anh T không có yêu cầu gì và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T cũng không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Ngô Thanh L trình bày: Vào ngày 01/02/2019 Võ Thị Lệ T có đến cơ sở của anh cầm chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 84B100086 với giá 5.000.000 đồng, đến ngày hôm sau chị T đến chuộc xe lại giao trả 5.000.000 đồng và tiền lãi nhưng anh L không nhớ bao nhiêu, vợ anh L giao trả xe cho T. Do anh L không

biết tiền T chuộc xe là do trộm mà có nên anh L đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Nay anh L yêu cầu bị cáo T trả lại cho anh 5.000.000 đồng tiền bị cáo cầm xe. Tại phiên Tòa hôm nay anh L yêu cầu bị cáo trả 5.000.000 đồng tiền cầm xe.

- Anh Quách Thái T trình bày: Vào ngày 08/02/2019 anh T có mua 03 điện thoại của T gồm 01 điện thoại hiệu Sam sung Galaxy J7 màu hồng giá 1.200.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Sam sung Galaxy J7 màu vàng giá 400.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Sam sung Galaxy J7 Prime màu trắng giá 800.000 đồng, anh T đã bán 02 điện thoại Sam sung Galaxy J7 màu hồng và màu vàng cho khách hàng không tên và địa chỉ, còn lại 01 điện thoại hiệu Sam sung Galaxy J7 Prime màu trắng giá 800.000 anh T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh T yêu cầu bị cáo T trả lại cho anh 800.000 đồng tương đương với điện thoại anh giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Vào ngày 14/01/2019 chị T có cầm của bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71 màu vàng giá 1.500.000 đồng, chị T không biết điện thoại bị cáo cầm cho chị là do bị cáo trộm mà có nên chị T đã giao nộp điện thoại lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Tận yêu cầu bị cáo trả lại 1.500.000 đồng tiền cầm điện thoại của bị cáo T.

Anh Sơn C trình bày: Tổng số tiền anh đã khắc phục cho các bị hại thay cho bị cáo là 11.000.000 đồng và anh không yêu cầu vợ anh là bị cáo trả lại cho anh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Võ Thị Lệ T về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Thị Lệ T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mỹ T 1.500.000 đồng, anh Ngô Thanh L 5.000.000 đồng và anh Quách Thái T 800.000 đồng. Về vật chứng áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị giao trả chiếc xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Fashion, màu đỏ, biển số 84B1 00086, số máy VTLZS152FMH00024092, số khung VTLBCH023TL0224092, xe cũ đã qua sử dụng cho chồng bị cáo là anh Sơn C.

Bị cáo Võ Thị Lệ T nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 02 giờ ngày 08/02/2019, ngày 11/02/2019 và ngày 17/02/2019 bị cáo Võ Thị Lệ T đã trộm của ông Lê Văn H 01 điện thoại di động, chị Võ Thị T 01 điện thoại di động, anh Nguyễn Tấn T 01 điện thoại di động, Chị Hồ Thị Lệ T 01 điện thoại di động và 500.000 đồng, anh Trần Văn K 350.000 đồng, chị Lê Hạnh T 02 điện thoại di động và 5.700.000 đồng, chị Trần Thị T 01 điện thoại di động và anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động. Số tiền bán điện thoại bị cáo tiêu xài cá nhân hết, số tiền trộm của chị T bị cáo đem chuộc xe 5.000.000 đồng, còn 700.000 đồng bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

[3]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Khi thực hiện thành vi phạm tội, bị cáo Võ Thị Lệ T có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính tham lam muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không cần phải lao động. Hội đồng xét xử nghĩ nên xem xét cho bị cáo một mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chồng của bị cáo đã tự nguyện khắc phục cho các bị hại số tiền là 11.000.000 đồng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng bị cáo có tình tiết phạm tội hai lần trở lên, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ và tăng nặng hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Văn H, Võ Thị H, Nguyễn Tấn T, Hồ Thị Lệ T, Trần Văn K, Trần Thị T, Nguyễn Văn T đã nhận lại đủ số tiền và điện thoại bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Đối với người đại diện theo ủy quyền của bị hại Lê Hạnh T cho rằng chị T chưa nhận 3.000.000 đồng nhưng tại bút lục số 210 chị T đã ký nhận 3.000.000 đồng và tại phiên tòa bà N không có ý kiến gì và thống nhất yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 1.900.000 đồng cho chị T, yêu cầu này là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị

Mỹ T yêu cầu bị cáo bồi thường 1.5000.0000 đồng tiền cầm điện thoại, anh Ngô Thanh L yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng tiền chuộc xe và anh Quách Thái T yêu cầu bị cáo bồi thường 800.000 đồng tiền bán điện thoại là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về vật chứng: chiếc xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Fashion, màu đỏ, biển số 84B1 00086, số máy VTLZS152FMH00024092, số khung VTLBCH023TL0224092, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản chung của bị cáo và anh Sơn C bị cáo lấy làm phương tiện phạm tội anh Sơn C không hay biết. Nay anh C yêu cầu được nhận lại để có phương tiện đi lại làm ăn nuôi sống gia đình và khắc phục tiếp cho các bị hại nên yêu cầu của anh Sơn C là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét bản cáo trạng của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Lệ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 ,.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Lệ T 01 (một) năm tù, nhưng được trừ thời hạn tạm giam là 03 (ba) tháng 10 (mười) ngày (từ ngày 19/02/2019 đến ngày 29/5/2019). Bị cáo Võ Thị Lệ T còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 20 (hai mươi) ngày. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Võ Thị Lệ T bồi thường cho chị Lê Hạnh T 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ T 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, anh Ngô Thanh L 5.000.000 (năm triệu) đồng và anh Quách Thái T 800.000 (tám trăm nghìn) đồng.

Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Fashion, màu đỏ, biển số 84B1 00086, số máy VTLZS152FMH00024092, số khung VTLBCH023TL0224092, xe cũ đã qua sử dụng cho anh Sơn C.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Thị Lệ T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 460.000 (bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng (đối với số tiền bị cáo phải khắc phục bồi thường là 9.200.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú để xin xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- STP tỉnh T;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Linh